

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ A, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 2057/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Nguyễn Trọng B**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 140, Khu phố C, phường D, thành phố A, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà **Trương Thị Kiều T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 123/4A, Khu phố N, phường D, thành phố A, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 12/11/2021, Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Đồng Nai nhận được đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con của bà Trương Thị Kiều T và ông Nguyễn Trọng B. Bà T, ông B hiện đang cư trú tại thành phố A, đã nộp tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố A thụ lý và giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Bà Trương Thị Kiều T và ông Nguyễn Trọng B kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường D, thành phố A, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 176 Quyển số 02/2001. Quá trình chung sống, bà T, ông B thừa nhận cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Bà T, ông B có 02 con chung chị Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 04/01/2003 và cháu Nguyễn Hoàng Gia K, sinh ngày 22/8/2008. Ly hôn, bà T, ông B thỏa thuận giao cháu K cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động. Con chung chị Nguyễn Hoàng M đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà T, ông B không yêu cầu giải quyết.

Bà T và ông B tự thỏa thuận về tài sản chung và xác định không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà T, ông B thống nhất không đoàn tụ, yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06/01/2022, ghi nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự.

Xét thấy, bà T, ông B thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; sự thỏa thuận của các đương sự đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con. Do đó, đủ căn cứ để Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của bà T, ông B.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng B và bà Trương Thị Kiều T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 22/8/2008 cho bà Trương Thị Kiều T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Nguyễn Trọng B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Hoàng K trưởng thành và có khả năng lao động. Con chung chị Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 04/01/2003 đã trưởng thành và có khả năng lao động, ông Nguyễn Trọng B và bà Trương Thị Kiều T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trương Thị Kiều T cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Trọng B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Trọng B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Trọng B và bà Trương Thị Kiều T tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Trọng B và bà Trương Thị Kiều T xác định không có nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Trọng B và bà Trương Thị Kiều T mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000576 ngày 02/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Đồng Nai. Ông Nguyễn Trọng B và bà Trương Thị Kiều T đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. A;
- Chi cục THADS TP. A;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)
Ngô Hoàng Long